



Cầu dao điện MCCB (APTOMAT) loại khối 2 Pha				Cầu dao điện MCCB (APTOMAT) loại khối 4 Pha			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán	Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
ABN52c	15-20-30-40-50A	30	900,000	ABN54c	15-20-30-40-50A	18	1,360,000
ABN62c	60A	30	990,000	ABN104c	15,20,30,40,50,60,75,100A	22	1,660,000
ABN102c	15-20-30-40-50-60-75-100A	35	1,160,000	ABN204c	125,150,175,200,225,250A	30	3,120,000
ABN202c	125-150-175-200-225-250A	65	2,150,000	ABN404c	250-300-350-400A	42	7,460,000
ABN402c	250-300-350-400A	50	5,200,000	ABN804c	500-630A	45	14,000,000
ABS32c	5-10-15-20-30A	25	860,000	ABN804c	700-800A	45	16,440,000
ABS52c	15-20-30-40-50A	35	960,000	ABS54c	15-20-30-40-50A	22	1,410,000
ABS102c	40-50-60-75-100-125A	85	1,580,000	ABS104c	20,30,40,50,60,75,100,125A	42	2,140,000
ABS202c	125-150-175-200-225-250A	85	2,450,000	ABS204c	150,175,200,225,250A	42	3,560,000
BS32c (không vỏ)	6-10-15-20-30A	1.5	104,000	ABS404c	250-300-350-400A	65	8,600,000
BS32c w/c (có vỏ)	6-10-15-20-30A	1.5	150,000	ABS804c	500-630A	75	18,000,000
Cầu dao điện MCCB (APTOMAT) loại khối 3 Pha				ABS804c	700-800A	75	20,400,000
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán	ABS1004b	1000A	65	35,000,000
ABN53c	15-20-30-40-50A	18	1,030,000	ABS1204b	1200A	65	38,300,000
ABN63c	60A	18	1,180,000	TS1000N 4P	1000A	50	57,000,000
ABN103c	15,20,30,40,50,60,75,100A	22	1,370,000	TS1250N 4P	1250A	50	60,000,000
ABN203c	100,125,150,175,200,225,250A	30	2,600,000	TS1600N 4P	1600A	50	72,000,000
ABN403c	250-300-350-400A	42	6,500,000	TS1000H 4P	1000A	70	62,000,000
ABN803c	500-630A	45	12,460,000	TS1250H 4P	1250A	70	70,000,000
ABN803c	700-800A	45	14,100,000	TS1600H 4P	1600A	70	87,000,000
ABS33c	5-10-20-30A	14	1,010,000	Cầu dao điện ELCB 2 pha loại chống rò điện			
ABS53c	15-20-30-40-50A	22	1,130,000	Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
ABS103c	15,20,30,40,50,60,75,100,125A	42	1,850,000	32GRc	15-20-30A	1.5	410,000
ABS203c	125,150,175,200,225,250A	42	3,030,000	32GRhS	15-20-30A	2.5	410,000
ABS403c	250-300-350-400A	65	6,970,000	32KGRd	15-20-30A	2.5	410,000
ABS803c	500-630A	75	14,600,000	EBS52Fb	40-50A	5	690,000
ABS803c	700-800A	75	15,690,000	EBE102Fb	60-75-100A	5	1,250,000
ABS1003b	1000A	65	30,500,000	EBN52c	15-20-30-40-50A	30	1,650,000
ABS1203b	1200A	65	32,600,000	EBN102c	60-75-100A	35	2,260,000
TS1000N 3P	1000A	50	46,800,000	Cầu dao điện ELCB 3 pha loại khối chống rò điện			
TS1250N 3P	1250A	50	48,900,000	EBN53c	15,20,30,40,50A	14	2,060,000
TS1600N 3P	1600A	50	58,800,000	EBN103c	60,75,100A	18	2,700,000
TS1000H 3P	1000A	70	48,800,000	EBN203c	125,150,175,200,225,250A	26	5,960,000
TS1250H 3P	1250A	70	52,000,000	EBN403c	250,300,350,400A	37	10,700,000
TS1600H 3P	1600A	70	62,000,000	EBN803c	500,630A	37	20,400,000
TS1000L 3P	1000A	150	68,000,000	EBN803c	800A	37	26,000,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT



MCCB 3 Pha loại khối chỉnh dòng (0.7-0.85-1.0) x in max				Cầu dao điện ELCB 4 cực loại khối chống rò điện						
Tên hàng		In (A)	Icu (KA)	Giá bán	Tên hàng		In (A)	Icu (KA)	Giá bán	
ABS103c FMU		20,25,32,40,50,63,80,100,125A	37	2,270,000	EBN104c		15,20,30,40,50,60,75,100A	18	3,700,000	
ABS203c FMU		100,125,160,200,250A	37	3,480,000	EBS104c		15,20,30,40,50,60,75,100, 125A	37	4,280,000	
MCCB 4 Pha loại khối chỉnh dòng (0.7-0.85-1.0) x in max				EBS204c		125,150,175,200,225,250A	37	8,600,000		
Tên hàng		In (A)	Icu (KA)	Giá bán	EBN404c		250,300,350,400A	37	15,100,000	
ABS104c FMU		20,25,32,40,50,63,80,100,125A	37	2,670,000						
ABS204c FMU		100,125,160,200,250A	37	4,340,000	PHỤ KIỆN CẦU DAO ĐIỆN (MCCB)					
PHỤ KIỆN CẦU DAO ĐIỆN (MCCB)				PHỤ KIỆN CẦU DAO ĐIỆN (MCCB)						
Cuộn đóng ngắt Shunt Trip (SHT)	SHT for ABN100c~ABH250c			840,000		Tay xoay Handle (DH loại gắn trực tiếp)	DH100-S for ABN103c			610,000
	SHT for ABN403c~803c			1,010,000			DH125-S for ABS125c			630,000
	SHT for ABS1003b~1204b			1,740,000			DH250-S for ABH250c			640,000
	SHT for TS1000~1600			1,440,000			N~70S for ABN403c			1,300,000
Cuộn bảo vệ thấp áp Under Vol. Trip (UVT)	UVT for ABN100c~ABH250c			1,050,000			N~80S for ABN803c			1,300,000
	UVT for ABN403c~803c			1,250,000		(EH loại gắn ngoài)	EH100-S for ABN103c			900,000
	UVT for ABS1003b~1204b			1,640,000			EH125-S for ABS125c			900,000
	UVT for TS1000~1600			1,740,000			EH250-S for ABN250c			930,000
Tiếp điểm phụ Auxiliary switch (AX)	AX for ABN100c~ABH250c			330,000			E-70U for ABN403c			2,000,000
	AX for ABN403c~803c			500,000			E-80U for ABN803c			2,280,000
	AX for ABS1003b~1204b			520,000		Mô tơ điều khiển On/ Off cho MCCB Motor operator (MOP)	MOP M1 for ABN52c~104c			5,660,000
	AX for TS1000~1600			430,000			MOP M2 for ABS/H103c~104c			6,200,000
Tiếp điểm cảnh báo Alarm switch (AL)	AL for ABN100c~ABH250c			330,000			MOP M3 for ABN/S/H202c~204c			7,700,000
	AL for ABN403c~803c			500,000			MOP M4 for ABN/S/H402c~404c			9,400,000
	AL for ABS1003b~1204b			520,000			MOP M5 for ABN/S/H802c~804c			11,300,000
	AL for TS1000~1600			430,000			MOP M6 for ABS1003b~1204b			13,600,000
AL và AX		AL/AX for ABN100c~ABH250c		700,000		Khóa liên động (Mechanical interlock)	MI-13S for ABN53~103c			890,000
Tấm chắn pha: Insulatinon barrier	IB-13 for ABN52~103c			10,000			MI-23S for ABS103c			900,000
	IB-23 for ABS103c~ABN/S203c			20,000			MI-33S for ABN/S203c			930,000
	B-43B for ABN/S403c			34,000			MI-43S for ABN/S403c			1,300,000
	Barrier insulation for ABS803c/TS630			38,000			MI-83S for ABN/S803c			1,500,000
	Barrier insulation for ABS1200b			42,000			Thanh cái		Busbar for ABN/S803c	

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

MCCB loại High-End, Susol Series Icu từ 50KA-150KA, Ics-100% Icu

Cầu dao điện Susol MCCB (APTOMAT) loại 3 Pha			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
FTU: loại không chỉnh dòng			
TD100N FTU100 3P	16,20,25,32,40,50, 63, 80,100A	50	2,600,000
TD160N FTU160 3P	125A	50	3,100,000
TD160N FTU160 3P	160A	50	3,700,000
TS100N FTU100 3P	40, 50, 63, 80, 100A	50	2,600,000
TS160N FTU160 3P	100, 125A	50	3,600,000
TS160N FTU160 3P	160A	50	4,000,000
TS250N FTU250 3P	125, 160, 200A	50	5,200,000
TS250N FTU250 3P	250A	50	6,200,000
TS400N FTU400 3P	300, 400A	65	8,900,000
TS630N FTU630 3P	500, 630A	65	12,900,000
TS800N FTU800 3P	800A	65	16,100,000
FMU: loại chỉnh dòng (nhiệt) 3 bước 0.8, 0.9, 1.0 x In			
TD100N FMU100 3P	16,20,25,32,40,50, 63, 80,100A	50	2,800,000
TD160N FMU160 3P	125A	50	3,450,000
TD160N FMU160 3P	160A	50	3,850,000
TS100N FMU100 3P	40, 50, 63, 80, 100A	50	2,750,000
TS160N FMU160 3P	100, 125A	50	3,750,000
TS160N FMU160 3P	160A	50	4,200,000
TS250N FMU250 3P	125, 160, 200A	50	5,200,000
TS250N FMU250 3P	250A	50	6,500,000
TS400N FMU400 3P	300, 400A	65	9,700,000
TS630N FMU630 3P	500, 630A	65	14,500,000
TS800N FMU800 3P	800A	65	17,800,000
ATU: loại chỉnh dòng cắt (nhiệt) và dòng ngắn mạch (từ)			
TS160N ATU160 3P	125A	50	4,050,000
TS160N ATU160 3P	160A	50	4,450,000
TS250N ATU250 3P	200A	50	5,650,000
TS250N ATU250 3P	250A	50	6,950,000
TS400N ATU400 3P	400A	65	10,500,000
TS630N ATU630 3P	630A	65	15,250,000
TS800N ATU800 3P	800A	65	19,600,000
PHỤ KIỆN MCCB Susol			
Tên hàng			Giá bán
Shunt release: SHT for TD/TS100->800			820,000
Undervoltage release: UVT for TD/TS100->800			1,300,000
Auxiliary switch: AX for TD/TS100->800			400,000
Alarm switch: AL for TD/TS100->800			400,000
Fault alarm switch: FAL for TD/TS100->800			400,000
Auxiliary switch: AX for TS1000~1600			430,000
Alarm switch: AL for TS1000~1600			430,000
Direct Rotary Handle (tay xoay)			
DH1 for TD100, 160			690,000
DH2 for TS250			740,000
DH3 for TS400, 630			1,360,000
DH4 for TS800			1,900,000
DH5-S TS1000~1600			5,700,000

Cầu dao điện Susol MCCB (APTOMAT) loại 4 Pha			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
FTU: Fixed thermal, fixed magnetic trip units			
TD100N FTU100 4P	16,20,25,32,40,50, 63, 80,100A	50	3,050,000
TD160N FTU160 4P	125A	50	3,800,000
TD160N FTU160 4P	160A	50	5,000,000
TS100N FTU100 4P	40, 50, 63, 80, 100A	50	3,600,000
TS160N FTU160 4P	100, 125A	50	4,950,000
TS160N FTU160 4P	160A	50	5,650,000
TS250N FTU250 4P	125, 160, 200A	50	6,950,000
TS250N FTU250 4P	250A	50	8,250,000
TS400N FTU400 4P	300, 400A	65	11,450,000
TS630N FTU630 4P	500, 630A	65	13,950,000
TS800N FTU800 4P	800A	65	20,700,000
FMU: Adjustable thermal: 0.8~1 x In, fixed magnetic			
TD100N FMU100 4P	16,20,25,32,40,50, 63, 80,100A	50	3,200,000
TD160N FMU160 4P	125A	50	5,000,000
TD160N FMU160 4P	160A	50	5,800,000
TS100N FMU100 4P	40, 50, 63, 80, 100A	50	4,100,000
TS160N FMU160 4P	100, 125A	50	5,050,000
TS160N FMU160 4P	160A	50	5,900,000
TS250N FMU250 4P	125, 160, 200A	50	7,450,000
TS250N FMU250 4P	250A	50	8,700,000
TS400N FMU400 4P	300, 400A	65	12,300,000
TS630N FMU630 4P	500, 630A	65	18,500,000
TS800N FMU800 4P	800A	65	23,500,000
ETS: loại chỉnh dòng chip relay điện từ 13 bước từ 0.4 ->1 x In			
TS100N ETS23 3P	80A	50	4,500,000
TS160N ETS23 3P	40, 80, 160A	50	5,600,000
TS250N ETS23 3P	250A	50	7,700,000
TS400N ETS33 3P	400A	65	11,800,000
TS630N ETS33 3P	630A	65	18,000,000
TS800N ETS43 3P	800A	65	20,700,000
Busbar (thanh cái)			
Spreader SP33a for TS400-TS630			1,200,000
Spreader SP43 for TS800			2,300,000
Busbar for 3P TS1000/1250/1600N			12,000,000
Motor operator (mô tơ nạp)			
MOP1 for TD100, 160			5,600,000
MOP2 for TS100, 160, 250			7,600,000
MOP3 for TS400, 630			10,300,000
MOP4 for TS800			12,300,000
Extended Rotary Handle (tay xoay)			
EH1 for TD100, 160			1,200,000
EH2 for TS250			1,250,000
EH3 for TS400, 630			2,650,000
EH4 for TS800			2,750,000
EH5-S TS1000~1600			6,500,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT



Cầu dao điện loại tép MCB (gắn trên thanh ray)			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
BKJ63N 1P/LA63N 1P	6-10-16-20-25-32A	6KA	104,000
BKJ63N 1P/LA63N 1P	40-50-63A	6KA	110,000
BKJ63N 2P/LA63N 2P	6-10-16-20-25-32A	6KA	230,000
BKJ63N 2P/LA63N 2P	40-50-63A	6KA	236,000
BKJ63N 3P/LA63N 3P	6-10-16-20-25-32A	6KA	368,000
BKJ63N 3P/LA63N 3P	40-50-63A	6KA	374,000
BKJ63N 4P/LA63N 4P	6-10-16-20-25-32A	6KA	534,000
BKJ63N 4P/LA63N 4P	40-50-63A	6KA	610,000
BKN-b 1P/LA63H 1P	6-10-16-20-25-32A	10KA	150,000
BKN-b 1P/LA63H 1P	40-50-63A	10KA	174,000
BKN-b 2P/LA63H 2P	6-10-16-20-25-32A	10KA	326,000
BKN-b 2P/LA63H 2P	40-50-63A	10KA	368,000
BKN-b 3P/LA63H 3P	6-10-16-20-25-32A	10KA	520,000
BKN-b 3P/LA63H 3P	40-50-63A	10KA	630,000
BKN-b 4P/LA63H 4P	6-10-16-20-25-32A	10KA	770,000
BKN-b 4P/LA63H 4P	40-50-63A	10KA	900,000
BKH 1P/LA125H 1P	80-100A	10KA	290,000
BKH 1P/LA125H 1P	125A	10KA	540,000
BKH 2P/LA125H 2P	80-100A	10KA	620,000
BKH 2P/LA125H 2P	125A	10KA	700,000
BKH 3P/LA125H 3P	80-100A	10KA	990,000
BKH 3P/LA125H 3P	125A	10KA	1,100,000
BKH 4P/LA125H 4P	80-100A	10KA	1,280,000
BKH 4P/LA125H 4P	125A	10KA	1,680,000

Thiết bị chống sét (Surge Protective Device)			
Tên hàng	Rate voltage-KV-KA	Pole	Giá bán
SPL2-80S	220VAC-3.0KV-80KA	2W+G	9,040,000
SPY2-40S	380/220VAC-2.5KV-40KA	4W+G	9,040,000
SPY2-80S	380/220VAC-3.0KV-80KA	4W+G	12,500,000
SPY1-120S	380/220VAC-2.0KV-120KA	4W+G	15,300,000
SPY1-160S	380/220VAC-2.0KV-160KA	4W+G	20,800,000
SPY1-200S	380/220-2.0KV-200KA	4W+G	21,500,000
SPT2-40S	220VAC-2.5KV-40KA	3W+G	9,800,000
SPT2-40S	380VAC-2.5KV-40KA	3W+G	9,800,000
SPT2-80S	380VAC-3.0KV-80KA	3W+G	14,000,000
SPT1-120S	380VAC-2.0KV-120KA	3W+G	16,000,000
SPT1-160S	380VAC-2.0KV-160KA	3W+G	20,300,000
SPT2-80S	440VAC-3.0KV-80KA	3W+G	14,000,000
SPT1-120S	440VAC-2.0KV-120KA	3W+G	16,000,000
SPT1-160S	440VAC-2.0KV-160KA	3W+G	20,300,000

Cầu dao điện loại tép bảo vệ quá tải và chống rò điện RCBO			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
RKP 1P+N/LB63N 1P+N	3-6-10-16-20-25-32-40-50-63A	4.5/6	540,000
RKC 1P+N/LB40NN 1P+N	6-10-16-20-25A	6	980,000
RKC 1P+N/LB40NN 1P+N	32-40A	6	980,000
RKS 1P+N/LB50HW 1P+N	6-10-16-20-25-32A	10	1,140,000

Cầu dao điện loại tép chống rò điện RCCB (gắn thanh ray)			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
RKN 1P+N/LC63N 1P+N	25-32-40A	6KA	800,000
RKN 1P+N/LC63N 1P+N	63A	6KA	820,000
RKN 3P+N/LC63N 3P+N	25-32-40A	6KA	1,140,000
RKN 3P+N/LC63N 3P+N	63A	6KA	1,250,000
RKN-b 1P+N/LC100H 1P+N	25-32-40A	10KA	990,000
RKN-b 1P+N/LC100H 1P+N	63A	10KA	1,060,000
RKN-b 1P+N/LC100H 1P+N	80~100A	10KA	1,250,000
RKN-b 3P+N/LC100H 3P+N	25-32-40A	10KA	1,400,000
RKN-b 3P+N/LC100H 3P+N	63A	10KA	1,600,000
RKN-b 3P+N/LC100H 3P+N	80~100A	10KA	1,900,000

Thiết bị chống sét (Surge Protective Device)			
Tên hàng	Uc [V] L/N-PE	Icu (KA)	Giá bán
BK05S-T3 2P	385V	10KV	1,580,000
BK05S-T3 4P	385V	10KV	3,100,000
BK10S-T2 2P	385V	20KA	1,740,000
BK10S-T2 3P	385V	20KA	2,000,000
BK10S-T2 4P	385V	20KA	3,400,000
BK20S-T2 2P	385V	40KA	1,960,000
BK20S-T2 3P	385V	40KA	2,280,000
BK20S-T2 4P	385V	40KA	4,700,000
BK30S-T2 2P	385V	60KA	2,280,000
BK30S-T2 3P	385V	60KA	2,800,000
BK30S-T2 4P	385V	60KA	5,100,000
BK40S-T2 1P	385V	80KA	2,060,000
BK40S-T2 2P	385V	80KA	2,500,000
BK40S-T2 3P	385V	80KA	4,000,000
BK40S-T2 4P	385V	80KA	6,100,000

PHỤ KIỆN MCB	
Tên hàng	Giá bán
Auxiliary switch: AX for BKN-b/ BKJ63N	270,000
Alarm switch: AL for BKN-b/ BKJ63N	270,000
Shunt for BKN-b/ BKJ63N	470,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT



KHỞI ĐỘNG TỪ 3 PHA (CONTACTOR 3 POLES) - AC Coil		
Tên hàng	In (A)	Giá bán
MC-6a ⁽¹⁾	6A (1a)	370,000
MC-9a ⁽¹⁾	9A (1a)	390,000
MC-12a ⁽¹⁾	12A (1a)	410,000
MC-18a ⁽¹⁾	18A (1a)	620,000
MC-9b ⁽²⁾	9A (1a1b)	410,000
MC-12b ⁽²⁾	12A (1a1b)	460,000
MC-18b ⁽²⁾	18A (1a1b)	660,000
MC-22b ⁽²⁾	22A (1a1b)	810,000
MC-32a ⁽²⁾	32A (2a2b)	1,170,000
MC-40a ⁽²⁾	40A (2a2b)	1,400,000
MC-50a ⁽³⁾	50A (2a2b)	1,840,000
MC-65a ⁽³⁾	65A (2a2b)	2,060,000
MC-75a ⁽⁴⁾	75A (2a2b)	2,340,000
MC-85a ⁽⁴⁾	85A (2a2b)	2,800,000
MC-100a ⁽⁴⁾	100A (2a2b)	3,680,000
MC-130a ⁽⁵⁾	130A (2a2b)	4,460,000
MC-150a ⁽⁵⁾	150A (2a2b)	5,700,000
MC-185a ⁽⁶⁾	185A (2a2b)	7,080,000
MC-225a ⁽⁶⁾	225A (2a2b)	8,500,000
MC-265a ⁽⁷⁾	265A (2a2b)	11,440,000
MC-330a ⁽⁷⁾	330A (2a2b)	12,500,000
MC-400a ⁽⁷⁾	400A (2a2b)	14,600,000
MC-500a ⁽⁸⁾	500A (2a2b)	28,600,000
MC-630a ⁽⁸⁾	630A (2a2b)	29,900,000
MC-800a ⁽⁸⁾	800A (2a2b)	38,500,000

CONTACTOR RELAYS		
MR-4 (2NO+2NC)	4 Poles AC	560,000
MR-6 (3NO+3NC)	6 Poles AC	670,000
MR-8 (4NO+4NC)	8 Poles AC	760,000
MR-4 (2NO+2NC)	4 Poles DC	630,000
MR-6 (3NO+3NC)	6 Poles DC	740,000
MR-8 (4NO+4NC)	8 Poles DC	860,000

TIẾP ĐIỂM PHỤ		
UA-1 (bên hông)	1NO+1NC dùng cho MC-6a~150a	120,000
UA-2 (bên trên)	1NO+1NC dùng cho MC-6a~150a	120,000
UA-4 (bên trên)	2NO+2NC dùng cho MC-6a~150a	200,000
AU-100 (bên hông)	1NO+1NC dùng cho MC-185a~800a	250,000

KHOÁ LIỀN ĐỘNG		
UR-2	MC-6a~150a	250,000
AR-180	MC-185a~400a	870,000
AR-600	MC-500a~800a	12,800,000

RƠ LE NHIỆT - Thermal overload relays		
Tên hàng	In (A)	Giá bán
MT-12 ⁽¹⁾	0.63~18A	420,000
MT-32 ⁽²⁾	0.63~19A	470,000
MT-32 ⁽²⁾	21.5~40A	470,000
MT-63 ⁽³⁾	34-50, 45-65A	900,000
MT-95 ⁽⁴⁾	54-75, 63-85, 70-95, 80-100A	1,520,000
MT-150 ⁽⁵⁾	80-105A, 95-130A, 110-150A	2,220,000
MT-225 ⁽⁶⁾	85-125, 100-160, 120-185, 160-240A	3,650,000
MT-400 ⁽⁷⁾	200-330A và 260-400A	5,200,000
MT-800 ⁽⁸⁾	400-630A và 520-800A	9,700,000

RƠ LE ĐIỆN TỬ - Electric motor protection relays		
GMP22-2P (1a1b)	0.3~1.5A, 1~5A, 4.4~22A	1,040,000
GMP22-3P (1a1b)	0.3~1.5A, 1~5A, 4.4~22A	1,580,000
GMP40-2P (1a1b)	4~20A, 8~40A	1,140,000
GMP40-3P (1a1b)	4~20A, 8~40A	1,580,000
GMP60-T (1c)	0.5~6A, 3~30A, 5~60A	980,000

(1) MT-12 dùng cho từ MC-6a đến MC-18a gồm các loại từ: 0.63-1A; 1-1.6A; 1.6-2.5A; 2.5-4A; 4-6A; 5-8A; 6-9A; 7-10A; 9-13A; 12-18A;

(2) MT-32 dùng cho MC-9b đến MC-40a gồm các loại từ: 0.63-1A; 1-1.6A; 1.6-2.5A; 2.5-4A; 4-6A; 5-8A; 6-9A; 16-22A; 18-25A; 22-32A; 28-40A;

(3) MT-63 dùng cho từ MC-50a và MC-65a

(4) MT-95 dùng cho từ MC-75a, MC-85a và MC-100a

(5) MT-150a dùng cho MC-130 & MC-150a

(6) MT-225 dùng cho MC-185a và MC-225a

(7) MT-400 dùng cho MC-265a, MC-330a và MC-400a

(8) MT-800 dùng cho MC-500a, MC-630a và MC-800a

*** GMP22 dùng cho MC-9b~22b, GMP40 dùng cho MC32a-40a**

CUỘN HÚT KHỞI ĐỘNG TỪ	
Coil for MC6a, 9a, 12a, 18a, 9b, 12b, 18b, 22b	250,000
Coil for MC32a, 40a	250,000
Coil for MC-50a, 65a	290,000
Coil for MC-75a, 85a, 100a	390,000
Coil for MC-130a, 150a	1,850,000
Coil for MC-185a, 225a	2,550,000
Coil for MC-330a, 400a	4,600,000
Coil for MC-630a, 800a	6,050,000

TỤ BÙ (CAPACITOR FOR CONTACTOR)		
AC-9	MC-6a~40a	460,000
AC-50	MC-50a~65a	600,000
AC-75	MC-75a~100a	600,000

HỘP CHO KHỞI ĐỘNG TỪ (Encloser)		
MW-9bB~22bB	Steel dùng cho MC-6a~22b	850,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT



Manual Motor Starter		
Tên hàng	In (A)	Giá bán
MMS-32S	0.63A (0.4~0.63)A	810,000
MMS-32S	1.0A (0.63~1.0)A	810,000
MMS-32S	1.6A (1.0~1.6)A	810,000
MMS-32S	2.5A (1.6~2.5)A	810,000
MMS-32S	4A (2.5~4)A	810,000
MMS-32S	6A (4~6)A	810,000
MMS-32S	8A (5~8)A	810,000
MMS-32S	10A (6~10)A	810,000
MMS-32S	13A (9~13)A	850,000
MMS-32S	17A (11~17)A	850,000
MMS-32S	22A (14~22)A	850,000
MMS-32S	26A (18~26)A	850,000
MMS-32S	32A (22~32A)	850,000
MMS-63S	40A (28~40)A	2,300,000
MMS-63S	50A (34~50)A	2,300,000
MMS-63S	63A (45~63)A	2,300,000
MMS-100S	75A (55~75)A	3,900,000
MMS-100S	90A (70~90)	4,350,000

PHỤ KIỆN MMS	
Tiếp điểm phụ (gắn bên trên): FX 1NO+1NC	210,000
Tiếp điểm phụ (gắn bên hông): LX 1NO+1NC	240,000
Any Trip Alarm Switch: LA 1NO+1NC	310,000
Magnetic Trip Alarm Switch: LAM 1NO+1NC	330,000

KHỞI ĐỘNG TỪ 3 PHA loại DC Coil (DC Volt)		
Tên hàng	In (A)	Giá bán
MC-6a (VDC)	6A (1a)	490,000
MC-9a (VDC)	9A (1a)	540,000
MC-12a (VDC)	12A (1a)	650,000
MC-18a (VDC)	18A (1a)	800,000
MC-9b (VDC)	9A (1a1b)	640,000
MC-12b (VDC)	12A (1a1b)	740,000
MC-18b (VDC)	18A (1a1b)	1,020,000
MC-22b (VDC)	22A (1a1b)	1,140,000
MC-32a (VDC)	32A (1a1b)	1,370,000
MC-40a (VDC)	40A (1a1b)	1,580,000
MC-50a (VDC)	50A (1a1b)	2,150,000
MC-65a (VDC)	65A (1a1b)	2,680,000
MC-75a (VDC)	75A (1a1b)	3,500,000
MC-85a (VDC)	85A (1a1b)	4,250,000
MC-100a (VDC)	100A (1a1b)	4,300,000
MC-150a (VDC)	150A (1a1b)	6,400,000

Rơ le bảo vệ kỹ thuật số (Digital Protection Relay)				
Tên hàng		Thông số		Giá bán
Đồng hồ điện đa năng kỹ thuật số (Digital Power MultiMeter)				
GIMAC-1000 EX,M485,5A,50Hz,AC/DC100~240V				9,900,000
GIMAC-1000 NO,M485,5A,50Hz,AC/DC100~240V				9,500,000
Thiết bị điều khiển và đo lường đa năng kỹ thuật số (Digital Integrated MultiMetering & Control Device)				
GIMAC-115P NO,RS,M,5A,50Hz,AC/DC110V				23,300,000
RƠ LE ĐIỆN TỬ - Electric motor protection relays				
GMP22-2P (1a1b)		0.3~1.5A, 1~5A, 4.4~22A		1,030,000
GMP22-3P (1a1b)		0.3~1.5A, 1~5A, 4.4~22A		1,580,000
GMP40-2P (1a1b)		4~20A, 8~40A		1,140,000
GMP40-3P (1a1b)		4~20A, 8~40A		1,580,000
GMP60-T (1c)		0.5~6A, 3~30A, 5~60A		980,000
RƠ LE KỸ THUẬT SỐ- Digital motor protection relay				
Tên hàng		Thông số		Giá bán
DMP06i-SA 2a1b AC/DC85~260V		0.5~6A		5,600,000
DMP06i-TZ 2a1b AC/DC85~260V		0.5~6A		5,800,000
DMP06i-TZA 2a1b AC/DC85~260V		0.5~6A		6,300,000
DMP65i-S 2a1b AC/DC85~260V		5~65A		5,200,000
DMP65i-TA 2a1b AC/DC85~260V		5~65A		5,400,000
DMP65i-TZ 2a1b AC/DC85~260V		5~65A		5,800,000
DMP65i-TZA 2a1b AC/DC85~260V		5~65A		6,300,000
KHỞI ĐỘNG TỪ 4 PHA AC (Metasol)				
Tên hàng		Tiếp điểm phụ	In (A)	Giá bán
MC-9a/4			9A	540,000
MC-12a/4			12A	570,000
MC-18a/4			18A	780,000
MC-22a/4			22A	900,000
MC-32a/4			32A	1,360,000
MC-40a/4			40A	1,470,000
MC-50a/4			50A	2,230,000
MC-65a/4			65A	2,680,000
MC-75a/4			75A	3,450,000
MC-85a/4			85A	3,700,000
MC-100a/4		(2a2b)	100A	7,050,000
MC-130a/4		(2a2b)	130A	7,600,000
MC-150a/4		(2a2b)	150A	8,850,000
MC-185a/4		(2a2b)	185A	9,900,000
MC-225a/4		(2a2b)	225A	11,200,000
MC-265a/4		(2a2b)	265A	18,000,000
MC-330a/4		(2a2b)	330A	20,600,000
MC-400a/4		(2a2b)	400A	22,700,000
MC-500a/4		(2a2b)	500A	35,500,000
MC-630a/4		(2a2b)	630A	47,000,000
MC-800a/4		(2a2b)	800A	52,000,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Cầu dao điện ACB METASOL 3 Pha (loại cố định)				ACB METASOL 3 Pha loại cố định - chưa có Motor, SHT. CC và UVT			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán	Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
AN-06D3-06H AG6/AH6	630A	65	52,000,000	AN-06D3-06H NG5/NH5 without ACC	630A	65	35,800,000
AN-08D3-08H AG6/AH6	800A	65	56,000,000	AN-08D3-08H NG5/NH5 without ACC	800A	65	41,500,000
AN-10D3-10H AG6/AH6	1000A	65	57,500,000	AN-10D3-10H NG5/NH5 without ACC	1000A	65	42,800,000
AN-13D3-13H AG6/AH6	1250A	65	60,000,000	AN-13D3-13H NG5/NH5 without ACC	1250A	65	46,000,000
AN-16D3-16H AG6/AH6	1600A	65	64,000,000	AN-16D3-16H NG5/NH5 without ACC	1600A	65	52,000,000
AS-20E3-20H AG6/AH6	2000A	85	86,000,000	AS-20E3-20H NG5/NH5 without ACC	2000A	85	71,800,000
AS-25E3-25H AG6/AH6	2500A	85	120,000,000	AS-25E3-25H NG5/NH5 without ACC	2500A	85	105,000,000
AS-32E3-32H AG6/AH6	3200A	85	140,000,000	AS-32E3-32H NG5/NH5 without ACC	3200A	85	123,000,000
AS-40E3-40V AG6/AH6	4000A	85	233,000,000	AS-40E3-40V NG5/NH5 without ACC	4000A	85	222,000,000
AS-40F3-40H AG6/AH6	4000A	100	239,000,000	AS-40F3-40H NG5/NH5 without ACC	4000A	100	227,000,000
AS-50F3-50H AG6/AH6	5000A	100	245,000,000	AS-50F3-50H NG5/NH5 without ACC	5000A	100	228,000,000
AS-63G3-63H AG6/AH6	6300A	120	410,000,000	AS-63G3-63H NG5/NH5 without ACC	6300A	120	390,000,000
Cầu dao điện ACB METASOL 4 Pha (loại cố định)				ACB METASOL 4 cực loại cố định - chưa có Motor, SHT. CC và UVT			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán	Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
AN-06D4-06H AG6/AH6	630A	65	57,600,000	AN-06D4-06H NG5/NH5 without ACC	630A	65	44,000,000
AN-08D4-08H AG6/AH6	800A	65	63,000,000	AN-08D4-08H NG5/NH5 without ACC	800A	65	50,000,000
AN-10D4-10H AG6/AH6	1000A	65	65,000,000	AN-10D4-10H NG5/NH5 without ACC	1000A	65	51,500,000
AN-13D4-13H AG6/AH6	1250A	65	68,000,000	AN-13D4-13H NG5/NH5 without ACC	1250A	65	54,000,000
AN-16D4-16H AG6/AH6	1600A	65	75,000,000	AN-16D4-16H NG5/NH5 without ACC	1600A	65	60,000,000
AS-20E4-20H AG6/AH6	2000A	85	105,000,000	AS-20E4-20H NG5/NH5 without ACC	2000A	85	90,000,000
AS-25E4-25H AG6/AH6	2500A	85	141,000,000	AS-25E4-25H NG5/NH5 without ACC	2500A	85	126,000,000
AS-32E4-32H AG6/AH6	3200A	85	168,000,000	AS-32E4-32H NG5/NH5 without ACC	3200A	85	152,000,000
AS-40E4-40V AG6/AH6	4000A	85	282,000,000	AS-40E4-40V NG5/NH5 without ACC	4000A	85	267,000,000
AS-40F4-40H AG6/AH6	4000A	100	294,000,000	AS-40F4-40H NG5/NH5 without ACC	4000A	100	283,000,000
AS-50F4-50H AG6/AH6	5000A	100	305,000,000	AS-50F4-50H NG5/NH5 without ACC	5000A	100	294,000,000
AS-63G4-63H AG6/AH6	6300A	120	534,000,000	AS-63G4-63H NG5/NH5 without ACC	6300A	120	514,000,000
PHỤ KIỆN ACB				PHỤ KIỆN ACB			
Bộ bảo vệ thấp áp (UVT+UDC)	UVT coil	2,400,000	Khóa liên động (Mechanical Interlock)	2-way (dùng cho 2 ACB)		10,500,000	
	UDC: UVT Controller	2,600,000		3-way (dùng cho 3 ACB)		19,600,000	
Shunt Coil (cuộn mở)	SHT for ACB	1,400,000	Tám chắn pha	IB for ACB 630A~6300A		540,000	
Cuộn đóng	Closing coil for ACB	1,750,000	Mô tơ nạp	Motor		6,400,000	

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Tên hàng	KW	HP	In (A)		Mô tả	Giá bán
3Ø 200V Class 0.4~7.5KW * Non-Filter Type.			HD	ND		
LSLV0004G100-2EONN	0.4KW	0.5HP	2.5A	3.1A	Biến tần đa năng: Sử dụng trong tất cả các ngành công nghiệp bao gồm gia công kim loại, máy đúc, thiết bị thủy lực/ điều hòa không khí, thực phẩm và đồ uống/ máy dệt, thang máy/ băng tải và xử lý môi trường nước. . Máy cắt/ uốn/ đánh bóng . Quạt/ Bơm . Máy ép/ băng tải . Máy hút bụi/ tủ đông . Máy nén/ thổi . Cầu trục (Nâng hạ, xe con, xe cầu)	4,050,000
LSLV0008G100-2EONN	0.75KW	1HP	5A	6A		4,400,000
LSLV0015G100-2EONN	1.5KW	2HP	8A	9.6A		5,050,000
LSLV0022G100-2EONN	2.2KW	3HP	11A	12A		5,950,000
LSLV0040G100-2EONN	4KW	5HP	17A	18A		6,700,000
LSLV0055G100-2EONN	5.5KW	7.5HP	24A	30A		9,950,000
LSLV0075G100-2EONN	7.5KW	10HP	32A	40A		11,150,000
LSLV0110G100-2EONN	11KW	15HP	47A	56A		20,800,000
LSLV0150G100-2EONN	15KW	20HP	60A	70A		23,900,000
LSLV0185G100-2EONN	18.5KW	25HP	75A	82A		27,600,000
LSLV0220G100-2EONN	22KW	30HP	88A			32,600,000
3Ø 400V Class 0.4~7.5KW * Non-Filter Type.			HD	ND		
LSLV0004G100-4EONN	0.4KW	0.5HP	1.3A	2A	*HD(Heavy Duty): Tải nặng 150% dòng định mức/1 phút ** ND (Normal Duty): Tải nhẹ 120% dòng định mức/1 phút	4,340,000
LSLV0008G100-4EONN	0.75KW	1HP	2.5A	3.1A		4,600,000
LSLV0015G100-4EONN	1.5KW	2HP	4A	5.1A		5,050,000
LSLV0022G100-4EONN	2.2KW	3HP	5.5A	6.9A		5,700,000
LSLV0040G100-4EONN	4KW	5HP	9A	10A		6,750,000
LSLV0055G100-4EONN	5.5KW	7.5HP	12A	16A		9,550,000
LSLV0075G100-4EONN	7.5KW	10HP	16A	23A		10,500,000
LSLV0110G100-4EONN	11KW	15HP	47A	56A		18,300,000
LSLV0150G100-4EONN	15KW	20HP	60A	70A		20,000,000
LSLV0185G100-4EONN	18.5KW	25HP	75A	82A		23,700,000
LSLV0220G100-4EONN	22KW	30HP	88A			25,800,000
3Ø 400V Class 0.4~7.5KW * Built-in Filter (C3)			HD	ND		
LSLV0004G100-4EOFN	0.4KW	0.5HP	1.3A	2A	  User-friendly Design G100 is convenient to install, control, G100 is convenient for installation, control, and maintenance with diverse functions. ● Built-in Potentiometer Easy operation with built-in potentiometer ● Remote Keypad Copy parameter (Read/Write) using remote keypads ● Smart Copier Copy parameter (Read/Write) and download firmware without supplying power to drive 	4,600,000
LSLV0008G100-4EOFN	0.75KW	1HP	2.5A	3.1A		4,900,000
LSLV0015G100-4EOFN	1.5KW	2HP	4A	5.1A		5,300,000
LSLV0022G100-4EOFN	2.2KW	3HP	5.5A	6.9A		6,000,000
LSLV0040G100-4EOFN	4KW	5HP	9A	10A		7,150,000
LSLV0055G100-4EOFN	5.5KW	7.5HP	12A	16A		10,100,000
LSLV0075G100-4EOFN	7.5KW	10HP	16A	23A		11,000,000
LSLV0110G100-4EOFN	11KW	15HP	47A	56A		19,100,000
LSLV0150G100-4EOFN	15KW	20HP	60A	70A		20,500,000
LSLV0185G100-4EOFN	18.5KW	25HP	75A	82A		24,400,000
LSLV0220G100-4EOFN	22KW	30HP	88A			26,500,000
LOADER REMOTE 2M (LSLV-G100),A2MT-G100					Bàn phím dùng gắn ngoài kèm cáp kết nối loại 2 mét	1,000,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Tên hàng	KW	HP	In (A)		Mô tả	Giá bán
Loại 3 pha 380~480VAC			HD	ND	: V/f, V/f PG, sensorless vector, sensed vector, CT/VT dual ratings, built-in RS485 (LS Bus / Modbus RTU)	
SV0008IS7-2NO	0.75	1HP	5A	8A	BIẾN TẦN HIỆU SUẤT CAO IS7 là một biến tần với hiệu suất và độ tin cậy cao có thể áp dụng cho mọi môi trường làm việc. Mục đích sử dụng: . Máy dầm, máy cán, máy kéo . Dây chuyền lắp ráp lốp xe . Thang máy, cần trục, cầu trục . Thiết bị đỗ xe, kho hàng tự động . Máy ép, máy rửa, máy khử nước, máy nén... 3 phase, 200~230 VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.01~400Hz, tích hợp transistor điều khiển điện trở trắng	10,200,000
SV0015IS7-2NO	1.5	2HP	8A	12A		10,640,000
SV0022IS7-2NO	2.2	3HP	12A	16A		11,320,000
SV0037IS7-2NO	3.7	5HP	16A	24A		11,650,000
SV0055IS7-2NO	5.5	7.5HP	24A	32A		13,200,000
SV0075IS7-2NO	7.5	10HP	32A	46A		14,500,000
SV0110IS7-2NO	11	15HP	46A	60A		22,900,000
SV0150IS7-2NO	15	20HP	60A	74A		25,600,000
SV0185IS7-2NO	18.5	25HP	74A	88A		34,400,000
SV0220IS7-2NO	22	30HP	88A	124A		39,000,000
SV0300IS7-2SO	30	40HP	116A	146A	3 phase, 200~230VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.01~400Hz, built-in keypad	58,200,000
SV0370IS7-2SO	37	50HP	146A	180A		67,800,000
SV0450IS7-2SO	45	60HP	180A	220A		76,500,000
SV0550IS7-2SO	55	75HP	220A	288A		101,500,000
SV0750IS7-2SO	75	100HP	288A	345A		112,700,000
Loại 3 pha 380~480VAC			HD	ND	Built-in RS485 (LS Bus / Modbus RTU)/ Ứng dụng cho các tải nặng như băng tải, máy khuấy, máy nén..., N: Chưa có màn hình, D: Tích hợp DC Reactor, Từ 0.75-22Kw tích hợp DBU	
SV0008IS7-4NO	0.75	1HP	2.5A	4A		9,900,000
SV0015IS7-4NO	1.5	2HP	4A	6A		10,300,000
SV0022IS7-4NO	2.2	3HP	6A	8A		10,900,000
SV0037IS7-4NO	3.7	5HP	8A	12A		11,100,000
SV0055IS7-4NO	5.5	7.5HP	12A	16A		12,700,000
SV0075IS7-4NO	7.5	10HP	16A	24A		13,800,000
SV0110IS7-4NO	11	15HP	24A	30A		21,300,000
SV0150IS7-4NO	15	20HP	30A	39A		23,600,000
SV0185IS7-4NO	18.5	25HP	39A	45A		29,200,000
SV0220IS7-4NO	22	30HP	45A	61A		33,100,000
SV0300IS7-4NO	30	40HP	62A	75A	3 pha, 380~480 VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.01~400Hz	49,300,000
SV0370IS7-4NO	37	50HP	75A	91A		53,600,000
SV0450IS7-4NO	45	60HP	92A	110A		63,400,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT



Tên hàng	KW	HP	In (A)		Mô tả	Giá bán
SV0550IS7-4NO	55	75HP	111A	152A	3 pha, 380~480VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.01~400Hz, tích hợp transistor điều khiển điện trở thẳng, bộ lọc EMC, cuộn kháng DC	70,100,000
SV0750IS7-4NO	75	100HP	152A	183A		83,300,000
SV0008IS7-4NOFD	0.75	1HP	2.5A	4A		12,200,000
SV0015IS7-4NOFD	1.5	2HP	4A	6A		12,900,000
SV0022IS7-4NOFD	2.2	3HP	6A	8A		13,500,000
SV0037IS7-4NOFD	3.7	5HP	8A	12A		13,900,000
SV0055IS7-4NOFD	5.5	7.5HP	12A	16A		16,000,000
SV0075IS7-4NOFD	7.5	10HP	16A	24A		17,300,000
SV0110IS7-4NOFD	11	15HP	24A	30A		26,800,000
SV0150IS7-4NOFD	15	20HP	30A	39A		31,200,000
SV0185IS7-4NOFD	18.5	25HP	39A	45A		37,800,000
SV0220IS7-4NOFD	22	30HP	45A	61A		42,700,000
SV0300IS7-4NOD	30	40HP	65A	75A	3 pha, 380~480VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.01~400Hz, tích hợp cuộn kháng DC	54,800,000
SV0370IS7-4NOD	37	50HP	75A	91A		61,000,000
SV0450IS7-4NOD	45	60HP	91A	110A		72,100,000
SV0550IS7-4NOD	55	75HP	110A	152A		80,700,000
SV0750IS7-4NOD	75	100HP	152A	183A		91,500,000
SV0900IS7-4SOD	90	125HP	183A	223A	3 pha, 380~480VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.01~400Hz, tích hợp cuộn kháng DC, bàn phím	139,800,000
SV1100IS7-4SOD	110	150HP	223A	264A		148,500,000
SV1320IS7-4SOD	132	175HP	264A	325A		164,500,000
SV1600IS7-4SOD	160	215HP	325A	370A		211,900,000
SV1850IS7-4SOD	185	250HP	370A	432A		287,200,000
SV2200IS7-4SOD	220	300HP	432A	547A		302,300,000
SV2800IS7-4SO	285	350HP	547A	613A	3 pha, 380~480VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.01~400Hz, bàn phím	523,200,000
SV3150IS7-4SO	315	400HP	613A	731A		641,500,000
SV3750IS7-4SO	375	500HP	731A	877A		689,700,000
SV-IS7 LCD Key pad					Bảng điều khiển màn hình màu dùng cho iS7 (đa ngôn ngữ: English, Italian, Spanish, Russian, Turkish)	1,420,000
Remote cable 2m (for IS7)					Cáp kết nối bảng điều khiển và biến tần iS7 loại 2 mét	390,000
Remote cable 3m (for IS7)					Cáp kết nối bảng điều khiển và biến tần iS7 loại 3 mét	420,000
OPTION PROFIBUS-DP, SV-IS7						4,100,000
OPTION EXTENSION I/O, SV-IS7						3,080,000
ENCODER OPTION, SV-IS7						1,450,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Biến tần cho quạt và bơm: Loại 3 Pha 220~230VAC - IP20					ND	V/f, RS485 (LS Bus / Modbus RTU / BACnet / Metasys N2), Pulse train I/O, RTC(Real Time Clock), đã có màn hình (HAND/OFF/AUTO), USB Port/ Ứng dụng chuyên cho hệ HVAC, Bơm, Quạt...,
LSLV0055H100-2CONN	5.5kW	7.5HP		22A	BIẾN TẦN CHO QUẠT VÀ BƠM Dùng trong các ngành công nghiệp: xây dựng, kim loại, bột giấy/ giấy, mỏ than, xử lý dầu khí và nước; (quạt/ bơm, máy sấy)	11,000,000
LSLV0075H100-2CONN	7.5kW	10HP		30A		12,500,000
LSLV0110H100-2CONN	11KW	15HP		42A		15,000,000
LSLV0150H100-2CONN	15KW	20HP		59A		19,000,000
LSLV0185H100-2CONN	18.5KW	25HP		69A		25,000,000
Biến tần cho quạt và bơm: Loại 3 Phase 380~480VAC - IP20, IP00					ND	
LSLV0055H100-4COFN	5.5kW	7.5HP		12A	 Built-in Dynamic braking transistor, EMC Filter (C3)	10,500,000
LSLV0075H100-4COFN	7.5kW	10HP		16A		12,000,000
LSLV0110H100-4COFN	11KW	15HP		24A		14,000,000
LSLV0150H100-4COFN	15KW	20HP		30A		18,400,000
LSLV0185H100-4COFN	18.5KW	25HP		38A		22,000,000
LSLV0220H100-4COFN	22KW	30HP		45A		28,000,000
LSLV0300H100-4COFN	30KW	40HP		61A		32,800,000
LSLV0370H100-4COND	37KW	50HP		75A		42,000,000
LSLV0450H100-4COND	45KW	60HP		91A		50,500,000
LSLV0550H100-4COND	55KW	75HP		107A		59,000,000
LSLV0370H100-4COFD	37KW	50HP		75A	3 phase, 380~480VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.1~400Hz, IP20, built-in DC Reactor	47,000,000
LSLV0450H100-4COFD	45KW	60HP		91A		56,000,000
LSLV0550H100-4COFD	55KW	75HP		107A		65,000,000
LSLV0750H100-4COFD	75KW	100HP		142A		67,000,000
LSLV0900H100-4COFD	90KW	125HP		169A		80,000,000
LSLV1100H100-4COFD	110KW	150HP		223	3 phase, 380~500VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.1~400Hz, IP20, built-in EMC Filter (C3), DC Reactor	118,000,000
LSLV1320H100-4COFD	132KW	200HP		264		123,000,000
LSLV1600H100-4COFD	160KW	250HP		325		142,000,000
LSLV1850H100-4COFD	185KW	300HP		370		163,000,000
LSLV2200H100-4COFD	220KW	350HP		432		192,000,000
LSLV2500H100-4COFD	250KW	400HP		481	220kW (350HP), 3 phase, 380~500VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.1~400Hz, IP00, built-in EMC Filter (C3), DC Reactor	217,000,000
LSLV3150H100-4COFD	315KW	500HP		613		475,000,000
LSLV3550H100-4COFD	355KW	550HP		683		534,000,000
LSLV4000H100-4COFD	400KW	650HP		770		590,000,000
LSLV5000H100-4COFD	500KW	800HP		962		650,000,000

- GHI CHÚ: ** HD (Heavy Duty) Overload 150% 1min.
 ** ND (Normal Duty): Overload 110% or 120% 1min

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT